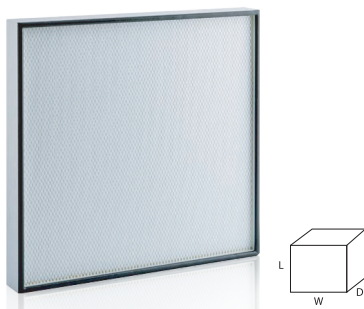


Mega AP-78-P58



Model: MAP13-610x610x78-10/22-58
MAP13: Mega AP, H13-tiêu chuẩn EN1822
610x610x78: Kích thước WxLxD mm
10/22: Gioăng mặt gió vào / lưới hai mặt
58: Độ dày nếp gấp mm
Mã MGT: HL13ARM2PG-610x610x78

ỨNG DỤNG

Sử dụng cho hệ thống lọc khí tuyệt đối trong môi trường kiểm soát ô nhiễm, phòng sạch, thiết bị dòng khí thẳng (LAF) và phòng mổ.

Lọc dòng khí chảy tầng

Khung: Nhôm

Vật liệu lọc: Sợi thủy tinh

Lưới bảo vệ: Hai mặt

Loại gasket: Polyurethane

Vị trí gasket: Mặt gió vào

Giai đoạn lọc: III-IV

Hiệu suất hạt MPPS EN 1822:

H13 ($\geq 99.95\%$), H14 ($\geq 99.995\%$),

U15 ($\geq 99.9995\%$).

Nhiệt độ tối đa: 80°C

Độ ẩm tương đối: 100%

Chênh áp cuối : 600 Pa

Cấp độ chống cháy: K1/F1 theo tiêu chuẩn DIN53438

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Độ dày nếp gấp (mm)	Diện tích vật liệu lọc (m²)	Lưu lượng (m³/h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
MAP13-305x305x78-10/22-58	158001M	HL13ARM2PG	305x305x78	H13	58	2.8	150	110	1.85
MAP13-305x610x78-10/22-58	158002M	HL13ARM2PG	305x610x78	H13	58	5.5	300	110	3.5
MAP13-457x457x78-10/22-58	158003M	HL13ARM2PG	457x457x78	H13	58	6	350	110	4.25
MAP13-457x610x78-10/22-58	158004M	HL13ARM2PG	457x610x78	H13	58	8	450	110	6.5
MAP13-610x610x78-10/22-58	158005M	HL13ARM2PG	610x610x78	H13	58	10.5	600	110	6.8
MAP13-610x762x78-10/22-58	158006M	HL13ARM2PG	610x762x78	H13	58	13	750	110	8.5
MAP13-610x915x78-10/22-58	158007M	HL13ARM2PG	610x915x78	H13	58	15.5	900	110	10
MAP13-610x1220x78-10/22-58	158008M	HL13ARM2PG	610x1220x78	H13	58	21	1200	110	12.5
MAP13-762x762x78-10/22-58	158009M	HL13ARM2PG	762x762x78	H13	58	16.5	900	110	10
MAP13-762x915x78-10/22-58	158010M	HL13ARM2PG	762x915x78	H13	58	20	1150	110	10.5
MAP13-915x915x78-10/22-58	158011M	HL13ARM2PG	915x915x78	H13	58	24	1350	110	11.5
MAP14-305x305x78-10/22-58	158012M	HL14ARM2PG	305x305x78	H14	58	2.8	150	125	1.85
MAP14-305x610x78-10/22-58	158013M	HL14ARM2PG	305x610x78	H14	58	5.5	300	125	3.5
MAP14-457x457x78-10/22-58	158014M	HL14ARM2PG	457x457x78	H14	58	6	350	125	4.25
MAP14-457x610x78-10/22-58	158015M	HL14ARM2PG	457x610x78	H14	58	8	450	125	6.5
MAP14-610x610x78-10/22-58	158016M	HL14ARM2PG	610x610x78	H14	58	10.5	600	125	6.8
MAP14-610x762x78-10/22-58	158017M	HL14ARM2PG	610x762x78	H14	58	13	750	125	8.5
MAP14-610x915x78-10/22-58	158018M	HL14ARM2PG	610x915x78	H14	58	15.5	900	125	10
MAP14-610x1220x78-10/22-58	158019M	HL14ARM2PG	610x1220x78	H14	58	21	1200	125	12.5
MAP14-762x762x78-10/22-58	158020M	HL14ARM2PG	762x762x78	H14	58	16.5	900	125	10
MAP14-762x915x78-10/22-58	158021M	HL14ARM2PG	762x915x78	H14	58	20	1150	125	10.5
MAP14-915x915x78-10/22-58	158022M	HL14ARM2PG	915x915x78	H14	58	24	1350	125	11.5

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Độ dày nếp gấp (mm)	Diện tích vật liệu lọc (m ²)	Lưu lượng (m ³ /h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
MAP15-305x305x78-10/22-58	158023M	HL15ARM2PG	305x305x78	U15	58	2.8	150	140	1.85
MAP15-305x610x78-10/22-58	158024M	HL15ARM2PG	305x610x78	U15	58	5.5	300	140	3.5
MAP15-457x457x78-10/22-58	158025M	HL15ARM2PG	457x457x78	U15	58	6	350	140	4.25
MAP15-457x610x78-10/22-58	158026M	HL15ARM2PG	457x610x78	U15	58	8	450	140	6.5
MAP15-610x610x78-10/22-58	158027M	HL15ARM2PG	610x610x78	U15	58	10.5	600	140	6.8
MAP15-610x762x78-10/22-58	158028M	HL15ARM2PG	610x762x78	U15	58	13	750	140	8.5
MAP15-610x915x78-10/22-58	158029M	HL15ARM2PG	610x915x78	U15	58	15.5	900	140	10
MAP15-610x1220x78-10/22-58	158030M	HL15ARM2PG	610x1220x78	U15	58	21	1200	140	12.5
MAP15-762x762x78-10/22-58	158031M	HL15ARM2PG	762x762x78	U15	58	16.5	900	140	10
MAP15-762x915x78-10/22-58	158032M	HL15ARM2PG	762x915x78	U15	58	20	1150	140	10.5
MAP15-915x915x78-10/22-58	158033M	HL15ARM2PG	915x915x78	U15	58	24	1350	140	11.5

Tùy chọn khác theo yêu cầu:

Vật liệu lọc: Loại chịu nhiệt cao (Tối đa 120°C).

Lưới bảo vệ: Không lưới, Mặt gió ra, Cả hai mặt.

Loại gioăng: Không, Cao su, EPDM, chịu nhiệt cao.

Vị trí gioăng: Không có, Mặt gió ra, Cả hai mặt.

Chúng nhận ATEX: cho bộ lọc không khí phù hợp cho khu vực có nguy cơ cháy nổ vùng 1, 2, 21 và 22.

Chúng nhận vệ sinh: Lọc HEPA | VDI 6022 Blatt 1:2018, DIN 1946-4:2018, ISO 846:2019 Plastics, BS EN 17141:2020.

Vật liệu tuân thủ tiếp xúc thực phẩm: Lọc HEPA | (EC) No 1935/2004, (EC) No 2002/72, (EU) No 10/2011, (EU) No 2020/1245, U.S. FDA-Determining the Regulatory Status of Components of a Food Contact Material.

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT